

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2017/HS-ST
Ngày: 21/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Ất.
2. Bà Đỗ Thị Mau.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Quốc Chương - Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 43/2017/HS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/HSST-QĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THỊ NHƯ Y, sinh năm 1989, tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKKTTT: ấp 3, xã H, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Đ, thị xã P, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hoá: 4/12; nghề nghiệp: Không; con ông Trần Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có chồng (chưa đăng ký kết hôn) là Nguyễn Văn V và 01 con; bị bắt tạm giữ ngày 30/6/2017 theo Quyết định truy nã số 04 ngày 12/5/2017 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa; ngày 01/7/2017 được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Cơ quan CSĐT Công an thị xã P – Có mặt.

2. NGUYỄN VĂN V (tên gọi khác: V Khùng), sinh năm 1988, tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, thị xã P, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hoá: 4/12; nghề nghiệp: Không; tiền án: Ngày 24/9/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông kết án 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, ngày 23/6/2015 chấp hành xong hình phạt tù; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H; có vợ (chưa đăng ký kết hôn) là Nguyễn Thị Như Y và có 01 con; bị bắt tạm giam từ ngày 30/6/2017 – Có mặt.

Người bị hại:

Chị Nguyễn Thị Hồng L – Có mặt.

Địa chỉ: Tổ M, phường N, thị xã P, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Thị Như Y và Nguyễn Văn V bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Đắk Nông truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 08/02/2017, Nguyễn Thị Như Y đến cửa hàng điện thoại Hoàng Văn thuộc tổ M, phường N, thị xã P để mua Card điện thoại. Đến nơi Y thấy cửa hàng không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Quan sát thấy 01 chiếc túi xách nữ để trên ghế cạnh bàn vi tính, Y đi đến dùng tay mở túi xách ra và thấy bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu vàng, kiểu dáng Galaxy S7, Y lấy điện thoại rồi đi ra khỏi cửa hàng. Sau khi lấy được điện thoại, sợ bị phát hiện nên Y giả vờ gọi vào trong “*Chị ơi, chị ơi*”, nghe tiếng Y gọi nên chị Nguyễn Thị Hồng L – là chủ cửa hàng đi từ phía sau lên. Thấy chị L, Y nói “*bán cho em Card Viettel loại hai mươi ngàn hoặc ba mươi ngàn*”, chị L nói “*Không có*”. Sau đó Y đi về phòng trọ rồi gọi điện nói chồng là Nguyễn Văn V về phòng trọ. Tại đây, Y nói với V “*em lấy trộm được điện thoại ở cửa hàng Viettel*”. Biết điện thoại đó là do Y trộm cắp mà có, nhưng V không trả lại mà mang đến phòng trọ của Dương Minh Tr (địa chỉ tổ M, phường N thị xã P) để cất giữ, bảo quản. Khi phát hiện mất điện thoại, chị L trình báo cho Công an thị xã P. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Công an phát hiện V đang cất dấu chiếc điện thoại của chị L. Lo sợ bị bắt nên V đã ném chiếc điện thoại qua hàng rào thép B40, hậu quả màn hình của chiếc điện thoại nứt, vỡ.

Vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu vàng, kiểu dáng Galaxy S7, Loại 32GB. Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 10/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã P kết luận: Giá trị chiếc điện thoại trên tại thời điểm trộm cắp là: 13.600.000 đồng. Thấy không cần thiết tạm giữ nên ngày 16/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P ra quyết định xử lý vật chứng số 20, trả lại điện thoại trên cho chị Nguyễn Thị Hồng L. Sau khi nhận lại tài sản, chị L yêu cầu V bồi thường số tiền mà chị L đi thay thế màn hình là 5.500.000đ.

Tại cáo trạng số 43/CTr-VKS ngày 27 tháng 7 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố bị cáo Nguyễn Thị Như Y về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố các bị cáo về tội danh như bản cáo trạng là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Như Y từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/6/2017.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định xử lý vật chứng số 20 ngày 16/5/2017 trả lại 01 chiếc điện thoại di

động nhãn hiệu SamSung, màu vàng, kiểu dáng Galaxy S7, Loại 32GB cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị Hồng L.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo V đồng ý bồi thường thiệt hại cho chị L số tiền 5.500.000đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người bị hại.

XÉT THẤY:

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ ngày 08/02/2017, Nguyễn Thị Như Y đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Nguyễn Thị Hồng L, lén lút chiếm đoạt của chị L 01 điện thoại di động hiệu SamSung, Galaxy S7- 32GB có giá trị 13.600.000 đồng. Nguyễn Văn V biết rõ điện thoại trên là do Y trộm cắp mà có nhưng vẫn thực hiện hành vi chứa chấp. Do vậy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Nguyễn Thị Như Y phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...

Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây bức xúc, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi mà các bị cáo gây ra nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Ngày 24/9/2013 bị cáo Nguyễn Văn V bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk

Nông kết án 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, ngày 23/6/2015 chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích nên thuộc tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nguyễn Thị Như Y phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang có thai; tại thời điểm xét xử bị cáo đang nuôi con nhỏ (03 tháng tuổi) và tại phiên tòa bị cáo được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo V ra khỏi đời sống xã hội một thời gian; áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Y mới đảm bảo được mục đích của hình phạt.

Việc xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gia Nghĩa ra quyết định xử lý vật chứng số 20 trả lại 01 điện thoại di động SamSung, Galaxy S7- 32GB cho chị Nguyễn Thị Hồng L là chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ, cần chấp nhận.

Việc bồi thường thiệt hại: Bị cáo V ném điện thoại do bị cáo Y chiếm đoạt được của chị L, hậu quả làm vỡ màn hình, chị L phải đi thay thế với số tiền 5.500.000đ. Vì vậy, chị L yêu cầu bị cáo V phải bồi thường 5.500.000đ là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo V còn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Thị Như Y phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Như Y 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/8/2017). Giao bị cáo Nguyễn Thị Như Y cho Ủy ban nhân dân xã N, thị xã P, tỉnh Đắk Nông để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/6/2017.

2. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự; căn cứ

điểm b, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc xử lý vật chứng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P, tỉnh Đắk Nông.

3. Việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; các điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng L 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 98, Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Như Y phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thị xã P;
- Công an thị xã P;
- UBND xã N, thị xã P;
- Chi cục THADS Tx P;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thắm